

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DSST
Ngày : 29 – 4 – 2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Buôn Yă - C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2021/TLST-DS ngày 02/6/2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐST-DS ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị B (có mặt).

Trú tại: Số xx đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Bùi Xuân T (Vắng mặt)

Trú tại: Số vcx đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị P (Có mặt).

Trú tại: Số vcx đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị B trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Cao Thị B có cho ông Bùi Xuân T vay nhiều lần với tổng số tiền 325.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Ngày 18/12/2015 vay

02 lần với số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 18/01/2016 vay 20.000.000 đồng. Ngày 22/6/2016 vay 20.000.000 đồng. Ngày 20/7/2016 nhận 40.000.000 đồng để mua xe ô tô. Ngày 26/11/2016 vay 30.000.000 đồng. Ngày 20/01/2017 vay 20.000.000 đồng. Ngày 26/01/2017 vay 20.000.000 đồng. Ngày 24/4/2017 vay 35.000.000 đồng. Ngày 31/3/2021 vay 120.000.000 đồng. Các số tiền này khi nhận tiền, ông Thành đều có ghi và ký vào giấy nhận tiền.

Ngoài ra ngày 08/6/2017, bà có đưa số tiền 260.000.000 đồng để nhờ ông Bùi Xuân T xin việc cho con trai của bà vào ngành Công an. Tuy nhiên, ông Thành không xin được việc cho con bà và cũng không trả lại số tiền đã nhận.

Quá trình vay tiền và nhận tiền cho đến nay, ông Bùi Xuân T chưa thanh toán được khoản tiền nào. Nay bà Cao Thị B yêu cầu khởi kiện buộc ông Bùi Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền đã nhận là 585.000.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Cao Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 260.000.000 đồng ngày 08/6/2017. Tại phiên tòa, bà Cao Thị B xác định số tiền 40.000.000 đồng ngày 20/7/2016 là tiền ông Bùi Xuân T nhận để mua xe ô tô cho bà nhưng ông Thành không thực hiện và lừa dối bà. Do vậy, bà Cao Thị B đề nghị được rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng ngày 20/7/2016. Hai khoản tiền này bà sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết sau.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Xuân T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đào Thị P trình bày: Bà và ông Bùi Xuân T trước đây là vợ chồng. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì ông, bà đã ly hôn. Đối với các khoản vay của ông Bùi Xuân T với bà Cao Thị B thì ông Thành vay lúc nào với số tiền bao nhiêu thì bà không biết. Bản thân ông Thành cũng không nói gì với bà về các khoản vay này. Hiện nay, ông Bùi Xuân T không còn sinh sống tại địa chỉ số vcx đường H, thành phố Buôn Ma Thuột nữa. Ông Thành ở đâu, làm gì thì bà không nắm được. Bà Cao Thị B khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày quan điểm:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh luận tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở xác định: Giữa bà Cao Thị B và ông Bùi Xuân T có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 285.000.000 đồng. Quá trình vay ông Thành chưa thanh toán được số tiền nào. Do vậy, căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Cao Thị B số tiền vay

gốc là 285.000.000 đồng. Bà Cao Thị B không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 260.000.000 đồng ngày 08/6/2017 và số tiền 40.000.000 đồng ngày 20/7/2016 của bà Cao Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Thị B xác định ông Bùi Xuân T có vay nhiều lần tiền của bà với tổng số tiền là 325.000.000 đồng. Tại các giấy vay tiền và giấy nhận tiền do nguyên đơn bà Cao Thị B cung cấp, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành trưng cầu giám định. Tại Bản kết luận giám định số 15/KLGD-PC09 ngày 11/02/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Bùi Xuân T trong các giấy vay tiền và giấy nhận tiền so với chữ viết, chữ ký mang tên Bùi Xuân T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

[2.2] Xét về nội dung được ghi nhận trong các tài liệu chứng cứ do bà Cao Thị B cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong các tài liệu này có giấy ghi nội dung vay, có giấy ghi nội dung nhận thêm tiền. Cụ thể: Ngày 18/12/2015 vay 5.000.000 đồng. Nhận thêm 15.000.000 đồng. Ngày 18/01/2016 nhận thêm 20.000.000 đồng. Ngày 22/6/2016 nhận thêm 20.000.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 26/11/2016 nhận thêm 30.000.000 đồng. Ngày 20/1/2017 nhận thêm 20.000.000 đồng. Ngày 24/4/2017 nhận thêm 35.000.000 đồng. Ngày 26/11/2017 nhận thêm 20.000.000 đồng. Giấy vay tiền đề ngày 31/3/2021 vay 120.000.000 đồng.

Xét giấy vay lần đầu ngày 18/12/2015 (Bút lục số 43): Tại phần đầu tiên của giấy vay ghi nhận nội dung ngày 18/12/2015, ông Bùi Xuân T vay của bà Cao Thị B số tiền là 5.000.000 đồng. Sau đó, trên cùng một trang giấy và ngay liền phía dưới của nội dung trên ghi nhận các nội dung: Nhận thêm 15.000.000 đồng, ngày 18/01/2016 nhận thêm 20.000.000 đồng và ngày 22/6/2016 nhận thêm 20.000.000 đồng.

Tại nội dung xác nhận đề ngày 26/11/2016 (Bút lục số 44): Tiêu đề của giấy là “Giấy vay tiền” và nội dung của giấy ghi nhận: “Tôi Bùi Xuân T có nhận thêm số tiền là 30.000.000 đồng”.

Như vậy, căn cứ vào thứ tự về mặt thời gian và nội dung xác nhận các khoản vay, nhận tiền giữa ông Bùi Xuân T với bà Cao Thị B thì có cơ sở để xác định các

khoản ông Bùi Xuân T ghi nội dung nhận thêm là khoản tiền ông Bùi Xuân T vay thêm của bà Cao Thị B.

[2.3] Quá trình vay, ông Bùi Xuân T chưa thanh toán được khoản tiền nào cho bà Cao Thị B. Đối với các khoản tiền vay từ ngày 18/12/2015 đến ngày 24/4/2017 các bên không xác định thời hạn thanh toán. Bà Cao Thị B khởi kiện yêu cầu ông Bùi Xuân T thanh toán các khoản tiền đã vay gốc còn nợ lại là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.4] Xét ý kiến của bà Đào Thị P xác định bà không biết và không liên quan đến các khoản vay này. Bà Cao Thị B cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc ông Bùi Xuân T sử dụng các khoản vay vào mục đích chung của gia đình. Mặt khác, bà Cao Thị B cũng không yêu cầu bà Đào Thị P có nghĩa vụ liên đới cùng ông Bùi Xuân T thanh toán các khoản vay trên nên không xem xét nghĩa vụ liên đới của bà Đào Thị P đối với các khoản vay của ông Bùi Xuân T trong thời kỳ hôn nhân.

[2.5] Từ các nhận định nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị B. Buộc ông Bùi Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Cao Thị B số tiền đã vay gốc là 285.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét về lãi suất: Giữa các bên không thỏa thuận lãi suất, bà Cao Thị B không yêu cầu tính lãi suất. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[4] Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị B đối với số tiền vay 260.000.000 đồng ngày 08/6/2017 và 40.000.000 đồng ngày 20/7/2016: Nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đề tên Bùi Xuân T trong các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Việc giám định đã thực hiện xong với số tiền 6.400.000 đồng. Bà Cao Thị B đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 6.400.000 đồng theo biên bản giao nhận ngày 15/12/2021 và phiếu thu số 24 ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Bà Cao Thị B là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Bà Cao Thị B được nhận lại tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Bùi Xuân T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 166; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự

- Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị B.

[2.1] Buộc ông Bùi Xuân T có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị B số tiền vay gốc là 285.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 260.000.000 đồng ngày 08/6/2017 và 40.000.000 đồng ngày 20/7/2016 của bà Cao Thị B.

[3] *Về án phí:* Bị đơn ông Bùi Xuân T phải chịu 14.250.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 6.400.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Cao Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 6.400.000 đồng tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Bùi Xuân T.

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải An